

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/HS-ST
Ngày 24 – 6 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Minh Bền

Ông Trương Công Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Vuur Trần D, tên gọi khác: Không có, sinh năm 1990, tại Cà Mau; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khóm A, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau; địa chỉ cư trú: Khu phố TH, phường TVH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vuur Văn H và bà Lê Kim Ph; vợ: Lê Thị Tuyết A, sinh năm: 1987, con: 02 người (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2011); tiền án: không; tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt. Bị cáo bị tạm giữ ngày 30/3/2022 đến ngày 01/4/2022 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị **Trần Thu L**, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Đường PBC, khóm C, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 27/02/2014, Vu Trần D điều khiển xe đến quán cà phê N trên đường LHP thuộc khóm G, phường H, thành phố C để uống cà phê. Trên đường đi đến gần quán cà phê, D phát hiện xe mô tô biển số kiểm soát 94K2-0374 của chị Trần Thu L đang đậu trước nhà số 332, đường NCT, khóm G, phường H, thành phố C không người trông coi nên D nảy sinh ý định trộm xe của chị L. Thực hiện ý định trộm cắp, D đậu xe của D ở quán cà phê N rồi đi bộ đến quán bún của bà Trà Thị Diệu H trước nhà nơi chị L đậu xe. Tại đây, D nói chuyện với bà H và kêu nước mía uống. Sau đó D lợi dụng bà H không chú ý, D dùng cây đoản D đã chuẩn bị sẵn mở ổ khoá xe của chị L rồi điều khiển xe chị L chạy đến bờ hồ phường E, thành phố C tìm nơi tiêu thụ.

Sau khi bị mất trộm tài sản, chị L được bà H cho biết D là người lấy trộm xe của chị L. Bà H gọi điện thoại cho bà Lê Thu C 1 (là dì của Vu Trần D) cho bà C1 biết D lấy trộm xe của chị L. Sau đó bà C liên lạc với D kêu D đem xe vừa trộm trả cho chị L. Nghe lời bà C1, D điều khiển xe đến quán cà phê N rồi đậu xe chị L tại quán và nhờ bà C1 đến quán lấy xe trả chị L. Bà C1 gọi điện thoại cho bà H biết việc D đã mang xe chị L để ở quán cà phê N trả chị L. Nghe được thông tin D trả xe, bà H báo cho chị L biết và cùng chị L đến Công an phường H, thành phố C trình báo để thu hồi tang vật. Sau khi chị L trình báo, cùng ngày 27/02/2014 Công an phường H, thành phố C đến quán cà phê N tạm giữ một xe mô tô biển số kiểm soát 94K2-0374.

Tại Kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐG ngày 16/4/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Tính vào thời điểm tháng 02/2014, 01 (một) xe mô tô biển số 94K2-0374 đã qua sử dụng, giá trị còn lại 60% là: $41.000.000đ \times 60\% = 24.600.000$ đồng (hai mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngày 20/4/2014 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã trả lại xe biển số 94K2-0374 cho chị L. Chị L nhận lại xe và có đơn bãi nại cho D. Chị L không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Đối với Vu Trần D: Sau khi D lấy trộm xe chị L, D ném cây đoản và bỏ trốn khỏi Cà Mau. Đến ngày 30/3/2022 Vu Trần D bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại Cáo trạng số 85/CT-VKS ngày 02/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo Vu Trần D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng số 85/CT-VKS ngày 02/6/2022 và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố Vu Trần D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vu Trần D từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo Vu Trần D hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, bị hại không khiếu nại gì về các hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, về quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng, các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp, được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại là chị Trần Thu L vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; quá trình điều tra đã có lời khai hợp pháp của chị L nên việc vắng mặt của chị L không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L theo quy định pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vu Trần D hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, theo đó thể hiện: Khoảng 20 giờ phút ngày 27/02/2014, tại khóm G, phường H, thành phố C, Vu Trần D đã lén lút lấy trộm tài sản của chị Trần Thu L là 01 chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 94K2-0374, đã qua sử dụng, giá trị còn lại của tài sản là 24.600.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Khi phạm tội, bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá 24.600.000 đồng nên hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về mức lượng hình: Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất an ninh trật tự địa phương, gây lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần có hình phạt tương xứng với nhân thân, với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung cho toàn xã hội; để bị cáo có thời gian suy nghĩ về hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo đã thực hiện mà có hướng sửa đổi bản thân trở thành người sống có ích cho xã hội. Tuy

nhiên Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Không có nên không đặt ra việc xử lý.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Vuur Trần D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Vuur Trần D 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/3/2022.

- Buộc bị cáo Vuur Trần D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố C;
- Cơ quan Thi hành án hình sự thành phố C;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố C;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân

